

SỬ DỤNG GIÁ TRỊ HỢP LÝ TRONG KẾ TOÁN VIỆT NAM - MỘT SỐ BẤT CẬP CẦN ĐƯỢC BỔ SUNG, HOÀN THIỆN

✍ ĐINH THỊ MAI*

Ngày nhận: 28/07/2017

Ngày phản biện: 24/08/2017

Ngày duyệt đăng: 28/09/2017

Tóm tắt: Giá trị hợp lý là một thuật ngữ mới trong lĩnh vực kế toán. Giá trị hợp lý là giá trị được xác định phù hợp với giá thị trường, có thể nhận được khi bán một tài sản hoặc chuyển nhượng một khoản nợ phải trả tại thời điểm xác định giá trị. Cơ sở hình thành của kế toán theo giá trị hợp lý xuất phát trực tiếp từ nhu cầu sử dụng thông tin minh bạch, đạt độ tin cậy cao của các đối tượng sử dụng và những hạn chế của các phương pháp tính giá trước đó. Trên thế giới, giá trị hợp lý bắt đầu trở thành một cơ sở tính giá trong kế toán từ cuối những năm 1990 bởi ưu điểm nổi trội của nó và đã được quy định trong nội dung của một số chuẩn mực kế toán quốc tế (CMKTQT - IAS/IFRS). Trải qua thời gian, khái niệm cũng như việc đo lường Giá trị hợp lý quy định trong các CMKTQT ngày càng hoàn thiện, rõ ràng, cụ thể và phù hợp hơn với sự phát triển phức tạp của nền kinh tế thế giới. Ở Việt Nam, giá trị hợp lý mới được đề cập trong kế toán từ hơn 10 năm nay và từng bước trở nên phổ biến, cập nhật hơn. Tuy nhiên, những quy định về sử dụng giá trị hợp lý vẫn mang tính chấp vá, thiếu tính hệ thống và còn nhiều bất cập, cần được bổ sung, hoàn thiện nhằm đáp ứng nhu cầu minh bạch thông tin kế toán đồng thời đảm bảo cho hệ thống kế toán Việt Nam có sự hài hoà, tương thích với thông lệ, CMKTQT trong quá trình hội nhập.

Từ khóa: Giá trị hợp lý, kế toán Việt Nam

USE OF REASONABLE VALUE IN VIETNAMESE ACCOUNTING SOME INADEQUACIES NEED TO BE ADDED AND COMPLETED

Abstract: Reasonable value is a new term in accounting. A reasonable value is a value that is determined in accordance with the market price that may be obtained when selling an asset or assigning a liability at the time of valuation. The basis of accounting at reasonable value derives directly from the need to use explicit information to get the high credibility of the users and from the limitations of previous pricing methods. In the world, reasonable value began to become an assessing basis in accounting since the late 1990s because of its remarkable advantages and was specified in the content of several international accounting standards. Over the time, the concept as well as the measurement The reasonable value set out in the international accounting standards have been more and more complete, specific, clearer, and more suitable with the complicated development of the world economy. In Vietnam, reasonable value has been mentioned in accounting for more than 10 years and has gradually become more popular and updated. However, regulations on using reasonable value still remain fragmented, lack systematicity and have many shortcomings that need to be supplemented and completed to meet the need for expliciting the accounting information and ensure that the Vietnamese accounting system is in harmony with normal practice and international accounting standards in the integration process.

Keywords: reasonable value, Vietnamese accountancy.

1. Các yếu tố và ghi nhận các yếu tố trong kế toán

Kế toán là việc thu thập, xử lý, kiểm tra, phân tích và cung cấp thông tin kinh tế, tài chính dưới hình thức giá trị, hiện vật và giờ công lao động. Kế toán có chức năng ghi nhận và cung cấp thông tin kinh tế, tài chính, kết quả hoạt động của đơn vị kế toán cho các đối tượng sử dụng trong và ngoài đơn vị.

Đối với các doanh nghiệp (DN), các yếu tố liên quan trực tiếp đến việc xác định tình hình tài chính là tài sản, nợ phải trả và vốn chủ sở hữu. Các yếu tố liên quan trực tiếp đến đánh giá tình hình và kết quả hoạt động kinh doanh là doanh thu, thu nhập khác

và chi phí. Các yếu tố liên quan trực tiếp đến dòng tiền cũng như lưu chuyển tiền thuần là các khoản tiền và tương đương tiền thu vào, chi ra và lượng lưu chuyển tiền thuần trong DN.

Xác định và ghi nhận các yếu tố trong kế toán là một nội dung quan trọng của khuôn mẫu lý thuyết về kế toán. Ở Việt Nam, việc xác định và ghi nhận các yếu tố của kế toán được thực hiện theo quy định của chuẩn mực kế toán (VAS) số 01, đồng thời có tham chiếu với quy định của Hội đồng CMKTQT (IASB).

- Các yếu tố trực tiếp phản ánh tình hình tài chính là tài sản, nợ phải trả và vốn chủ sở hữu:

* Trường Đại học Công đoàn

Tài sản là nguồn lực do DN kiểm soát và có thể thu được lợi ích kinh tế trong tương lai, có giá trị xác định một cách đáng tin cậy. TS được ghi nhận và phản ánh trên báo cáo tài chính (BCTC) khi DN có khả năng chắc chắn thu được lợi ích kinh tế trong tương lai và giá trị TS đó được xác định một cách đáng tin cậy.

Nợ phải trả là nghĩa vụ hiện tại của DN phát sinh từ các giao dịch và sự kiện đã qua mà DN phải thanh toán trừ các nguồn lực của mình. Một khoản nợ phải trả được xác định và ghi nhận trên BCTC khi gần như chắc chắn làm giảm lợi ích kinh tế để thanh toán nghĩa vụ hiện tại và nợ phải trả có giá trị có thể xác định một cách đáng tin cậy.

Vốn chủ sở hữu là giá trị vốn của DN được tính bằng số chênh lệch giữa giá trị tài sản của DN trừ (-) nợ phải trả. Vốn chủ sở hữu bao gồm hai phần: Vốn góp của CSH và phần vốn liên quan đến kết quả hoạt động trong kỳ (lợi nhuận tổng hợp).

- Các yếu tố trực tiếp phản ánh kết quả hoạt động là thu nhập và chi phí.

Thu nhập là tổng giá trị các lợi ích kinh tế DN thu được trong kỳ kế toán, phát sinh từ các hoạt động sản xuất kinh doanh thông thường và các hoạt động khác của DN, góp phần làm tăng VCSH, không bao gồm khoản góp vốn của cổ đông hoặc CSH. Thu nhập được xác định và ghi nhận trên BCTC khi thu được lợi ích kinh tế trong tương lai có liên quan đến sự gia tăng về tài sản hoặc giảm bớt NPT và sự gia tăng đó phải được xác định một cách đáng tin cậy.

Chi phí là tổng giá trị các khoản làm giảm lợi ích kinh tế trong kỳ kế toán dưới hình thức các khoản tiền chi ra, các khoản khấu trừ tài sản hoặc phát sinh các khoản nợ dẫn đến làm giảm VCSH, không bao gồm khoản phân phối cho cổ đông hoặc CSH. Chi phí bao gồm các khoản chi phát sinh trong kỳ và các khoản lỗ. Chi phí được xác định và ghi nhận khi các khoản này làm giảm bớt lợi ích kinh tế trong tương lai có liên quan đến việc giảm bớt tài sản hoặc tăng nợ phải trả và chi phí phải được xác định một cách đáng tin cậy.

- Các yếu tố liên quan trực tiếp đến việc đánh giá tình hình huy động và sử dụng tiền cũng như lưu chuyển tiền thuần trong BCTC là các khoản tiền và tương đương tiền thu vào, chi ra và lượng lưu chuyển tiền thuần trong DN. Các khoản tiền và tương đương tiền gồm: tiền mặt tại quỹ, tiền gửi ngân hàng, các tổ chức tín dụng và các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn không quá 3 tháng, có khả năng dễ dàng chuyển đổi thành tiền và không có nhiều rủi ro trong sự chuyển đổi đó.

2. Đo lường các yếu tố trong kế toán theo chuẩn mực kế toán quốc tế

Đo lường các yếu tố kế toán là việc biểu hiện bằng tiền các yếu tố của kế toán. CMKTQT đưa ra một số phương pháp được sử dụng để đánh giá các yếu tố trong kế toán đó là:

Phương pháp giá gốc: Giá gốc của tài sản được tính theo số tiền hoặc tương đương tiền đã trả hoặc phải trả hoặc tính theo giá trị hợp lý của tài sản vào thời điểm tài sản đó được ghi nhận.

Phương pháp giá hiện hành: Là số tiền hoặc tương đương tiền sẽ phải trả nếu tài sản tương ứng đó có được trong hiện tại.

Phương pháp giá trị thực hiện: là số tiền hoặc tương đương tiền mà hiện thời có thể thu hồi được do nhượng bán tài sản.

Phương pháp giá trị chiết khấu dòng tiền: tài sản được ghi theo giá trị hiện tại của các luồng tiền vào trong tương lai dự tính tạo ra trong kỳ hoạt động sản xuất kinh doanh bình thường. Công cụ nợ ghi theo giá hiện tại của các luồng tiền chi ra trong tương lai dự tính cần có để thanh toán công cụ nợ trong kỳ kinh doanh bình thường của DN.

CMKTQT khuyến khích các DN sử dụng kết hợp các phương pháp đánh giá để ghi nhận các yếu tố cơ bản của kế toán nhằm cung cấp thông tin minh bạch, trung thực và hợp lý cho các đối tượng sử dụng, giúp họ đưa ra các quyết định kinh tế đúng đắn. Chẳng hạn, hàng tồn kho được ghi nhận và trình bày theo giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được, các khoản nợ lương nên ghi nhận theo giá trị hiện tại, tài sản cố định ghi nhận theo giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị có thể thu hồi.... Vì thế, trong khuôn mẫu (*Framework*) của hệ thống CMKTQT (IAS/IFRS) đưa ra các phương pháp được lựa chọn để đánh giá các yếu tố trình bày trên BCTC là phương pháp chi phí gốc hay giá gốc (*Historical cost*), phương pháp chi phí hiện hành hay giá trị thị trường tại thời điểm lập BCTC (*Current cost*), phương pháp giá trị thuần có thể thực hiện được (*Realizable settlement value*), phương pháp giá trị hiện tại (*Present value*). Trong từng CMKTQT cụ thể đưa ra quy định ghi nhận và trình bày trên BCTC theo những nguyên tắc nhất định để đảm bảo thông tin trình bày trên BCTC là trung thực và hợp lý nhất về tình hình tài chính của DN và phục vụ tốt nhất cho việc ra các quyết định đầu tư, cho vay...

Đặc biệt trong những năm gần đây, hệ thống CMKTQT có những thay đổi theo hướng chú trọng

đến việc phản ánh giá trị tài sản, NPT theo giá trị hợp lý. Cụ thể, lần đầu tiên IASB đề cập đến giá trị hợp lý (*Fair value*) trong IAS 16 (Chuẩn mực kế toán quốc tế số 16) - Tài sản, nhà cửa và thiết bị như sau: “Giá trị hợp lý là giá trị tài sản có thể đem trao đổi giữa các bên có hiểu biết, có thiện chí trong một giao dịch trao đổi ngang giá” (4). Tiếp theo, IFRS Framework (2010) đã đưa ra một số cơ sở đo lường được sử dụng với mức độ, cách kết hợp khác nhau trong BCTC và đến tháng 5/2011, IASB đã ban hành IFRS 13 (Chuẩn mực báo cáo tài chính quốc tế số 13) - Đo lường giá trị hợp lý (*Fair Value Measurement*) có hiệu lực từ 01/01/2013.

Theo IFRS 13: “Giá trị hợp lý là giá sẽ nhận được khi bán một tài sản hoặc thanh toán một khoản NPT trong một giao dịch thị trường có trật tự giữa các thành phần tham gia thị trường tại ngày đo lường” (5). Khái niệm giá trị hợp lý trong chuẩn mực này nhấn mạnh giá trị hợp lý được xác định trên cơ sở giá thị trường, không phải giá do DN ấn định. giá trị hợp lý rất cần thiết được áp dụng trong kế toán trên cả phương diện quốc tế và với tất cả các quốc gia bởi ưu điểm nổi trội của nó như: Phản ánh được những thay đổi của thị trường; Những giả định dùng để ước tính giá trị hợp lý có thể được xác định và kiểm chứng ngày càng mang tính khách quan hơn với sự phát triển của hệ thống thông tin và sự phát triển của các thị trường chuyên ngành; Các mô hình định giá cho những trường hợp không có giá thị trường hiện đang phát triển và từng bước hoàn thiện...

3. Thực trạng sử dụng giá trị hợp lý trong kế toán Việt Nam

Trong kế toán Việt Nam, từ xa xưa cho đến khi có Luật Kế toán, giá gốc được quy định là một nguyên tắc cơ bản trong kế toán. Cho đến năm 2003 lần đầu tiên có văn bản pháp luật cao nhất về kế toán được ban hành - Luật Kế toán (*Luật số 03/2003/QH11 của Quốc Hội khóa 11 ban hành ngày 17 tháng 06 năm 2003*), chỉ quy định sử dụng giá gốc để đo lường, phản ánh các yếu tố của kế toán: “Giá gốc là giá trị được ghi nhận ban đầu của tài sản hoặc nợ phải trả” (1), Luật Kế toán 2003 chưa có quy định về giá trị hợp lý. Tiếp theo, hệ thống chuẩn mực kế toán Việt Nam (VAS) ban hành từ năm 2001 - 2005 (gồm 26 chuẩn mực) quy định việc ghi nhận và trình bày giá trị tài sản, nợ phải trả trong kế toán chủ yếu vẫn theo nguyên tắc giá gốc. Đặc biệt, quy định duy nhất hạch toán theo giá gốc trong chuẩn mực chung số 01 (VAS 01) đã khiến cho thông tin kế toán cung cấp không phản ánh hết tình hình biến động của tài

sản, nợ phải trả tại thời điểm lập BCTC. Đây cũng là một trong những lý do làm giảm tính hữu ích của thông tin kế toán trên BCTC, thậm chí còn gây ngộ nhận cho người sử dụng, nhất là báo cáo đối với các công cụ tài chính.

Theo quy định của VAS, tài sản được ghi nhận và trình bày theo giá gốc không chỉ làm giảm chất lượng thông tin cung cấp của hệ thống BCTC mà trong nhiều trường hợp thông tin trên BCTC không phản ánh được thực chất năng lực tài chính của DN. Bởi vì, có nhiều loại tài sản giữa giá trị thu hồi và giá gốc có thể khác nhau, giá trị ghi sổ của tài sản có thể chưa thực sự sát với giá trị có thể thu hồi của tài sản, trong khi đó rất nhiều nhân tố dẫn đến sự sụt giảm giá trị tài sản, nhất là trong thời kỳ khủng hoảng và diễn biến của thị trường có nhiều biến động như hiện nay.

Bên cạnh quy định về sử dụng giá gốc là chủ yếu, giá trị hợp lý và việc sử dụng giá trị hợp lý trong kế toán Việt Nam đã có bước khởi đầu nhất định nhưng vai trò còn khá mờ nhạt. Điều này thể hiện trong nội dung của một số VAS có quy định về sử dụng giá trị hợp lý đối với một số trường hợp cụ thể nhằm đảm bảo sự phù hợp với chuẩn mực, thông lệ KTQT và điều kiện của Việt Nam. Thuật ngữ “giá trị hợp lý” được đề cập ở một số VAS tương ứng như: VAS 01, 02, 03, 04, 10, 14 có thể khái quát một số điểm chính như sau:

- Sử dụng giá trị hợp lý trong ghi nhận ban đầu: Hình thành TSCĐ, doanh thu và thu nhập khác, khoản mục tiền tệ, phi tiền tệ có gốc ngoại tệ,
- Sử dụng giá trị hợp lý để đánh giá sau ghi nhận ban đầu: đánh giá lại tài sản, đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ ở thời điểm cuối năm tài chính,
- Sử dụng giá trị hợp lý làm cơ sở để ghi nhận sự giảm giá tài sản.

Việc sử dụng giá trị hợp lý trong kế toán Việt Nam tuy đã có những bước khởi đầu nhất định song vẫn mang tính chấp vá và còn một số bất cập đáng kể trong quá trình thực hiện. Những bất cập chính có thể chỉ ra như: Chưa xác định một cách rõ ràng và nhất quán về tính tất yếu của việc sử dụng giá trị hợp lý là cơ sở định giá chủ yếu trong kế toán; Định nghĩa giá trị hợp lý trong VAS chưa rõ ràng, chưa đầy đủ; Các quy định về giá trị hợp lý và sử dụng giá trị hợp lý trong kế toán nằm rải rác trong một số chuẩn mực, mang tính chấp vá, thiếu tính hệ thống; Chưa có hướng dẫn chính thức và thống nhất về phương pháp xác định giá trị hợp lý trong kế toán; giá trị hợp lý sử dụng chủ yếu cho ghi nhận ban đầu, chưa sử dụng để trình bày các khoản mục sau ghi

nhận ban đầu, do đó chưa đạt được mục đích ghi nhận và trình bày các khoản mục theo những thay đổi của thị trường.

Nguyên nhân của những bất cập nêu trên là do trong những năm qua nền kinh thị trường Việt Nam đang dần dần được hoàn thiện, các chính sách về quản lý kinh tế, chính sách tài chính - tiền tệ đang được xây dựng một cách đồng bộ nhằm từng bước hoàn chỉnh một hệ thống thị trường hoạt động (active market). Mặt khác, vấn đề nhận thức về giá trị hợp lý và niềm tin vào tính đáng tin cậy của giá trị hợp lý cũng như sự thiếu vắng các quy định và hướng dẫn về giá trị hợp lý, sử dụng giá trị hợp lý cũng là một rào cản đáng kể ngăn cản sự phát triển và sử dụng giá trị hợp lý trong kế toán Việt Nam. Hơn thế nữa, hệ thống CMKT Việt Nam được ban hành từ năm 2005 cho đến nay chưa được sửa đổi, bổ sung các quy định về sử dụng giá trị hợp lý cho phù hợp với thông lệ, CMKTQT cũng như đảm bảo sự phù hợp, cập nhật với những thay đổi của nền kinh tế thị trường Việt Nam.

Về Luật Kế toán, trải qua hơn 13 năm triển khai thực hiện, Luật Kế toán 2003 đã có những đóng góp tích cực cho sự phát triển của nền kinh tế. Tuy nhiên, bên cạnh những thành tựu và kết quả đạt được, Luật cũng đã bộc lộ một số hạn chế cần sửa đổi, bổ sung để đáp ứng yêu cầu đổi mới mạnh mẽ và hội nhập sâu rộng của đất nước. Trong bối cảnh đó, việc ban hành Luật Kế toán 2015 (*Luật số 88/2015/QH13 của Quốc Hội khóa 13 ban hành ngày 20 tháng 11 năm 2015*) thay thế Luật Kế toán cũ là rất thiết thực và có ý nghĩa khoa học. Luật Kế toán 2015 đã sửa đổi, bổ sung khá nhiều nội dung so với Luật Kế toán cũ, trong đó có nội dung quan trọng đó là quy định về giá trị hợp lý. Luật đưa ra khái niệm: “Giá trị hợp lý là giá trị được xác định phù hợp với giá thị trường, có thể nhận được khi bán một tài sản hoặc chuyển nhượng một khoản nợ phải trả tại thời điểm xác định giá trị” (2). Luật cũng bổ sung một số quy định chung về đánh giá và ghi nhận theo giá trị hợp lý tại các khoản 1, 2, 3 Điều 28.

Có thể thấy, sử dụng giá trị hợp lý trong kế toán Việt Nam đã từng bước trở nên phổ biến và cập nhật hơn theo yêu cầu của hội nhập quốc tế, song cho đến nay chưa có quy định cụ thể, hướng dẫn thống nhất và rõ ràng vấn đề này.

4. Một số định hướng cơ bản nhằm bổ sung, hoàn thiện những quy định về sử dụng giá trị hợp lý trong hệ thống kế toán Việt Nam

Để đáp ứng nhu cầu minh bạch thông tin kế toán cung cấp cho các đối tượng sử dụng đồng thời

đảm bảo cho hệ thống kế toán Việt Nam có sự hài hòa, tương thích với thông lệ, CMKTQT, hệ thống văn bản pháp lý của kế toán Việt Nam cần phải được bổ sung, hoàn thiện các quy định về sử dụng giá trị hợp lý. Có thể bổ sung, hoàn thiện các quy định pháp lý về sử dụng giá trị hợp lý trong kế toán theo hướng sau:

Thứ nhất, về các nguyên tắc kế toán trong Chuẩn mực chung

Chuẩn mực chung số 01 (VAS 01) quy định và hướng dẫn các nguyên tắc, yêu cầu kế toán cơ bản, các yếu tố và ghi nhận các yếu tố của BCTC. VAS 01 và Framework có nhiều điểm hài hòa với nhau vì VAS 01 được xây dựng trên cơ sở tham khảo khuôn mẫu của Framework và vận dụng trong điều kiện cụ thể của VN. Tuy nhiên, một số khái niệm, nguyên tắc trong Framework chưa được đề cập hoặc đề cập không đầy đủ trong VAS 01. Điều này ảnh hưởng đến vai trò của VAS 01, đến nguyên tắc soạn thảo và trình bày BCTC. Do vậy cần bổ sung vào VAS 01 nguyên tắc “Coi trọng nội dung bản chất kinh tế hơn hình thức pháp lý” trong việc ghi nhận, lập và trình bày các yếu tố trên BCTC. Đây cũng là một phần trong quan điểm hướng tới tính hữu ích của thông tin kế toán trên các BCTC. Nguyên tắc này được thể hiện trong việc cho phép vận dụng tổng hợp các phương pháp xác định giá trị tài sản trình bày trên Bảng cân đối kế toán trong hệ thống các CMKTQT nhằm cung cấp thông tin trung thực, hợp lý về giá trị tài sản của đơn vị báo cáo. Thực hiện tốt nguyên tắc này là cơ sở đảm bảo thực hiện tốt các nguyên tắc liên quan (nguyên tắc thận trọng, trọng yếu, phù hợp.....) và là cơ sở đảm bảo thông tin trình bày trên BCTC minh bạch, trung thực, hợp lý và đầy đủ hơn.

Thứ hai, điều chỉnh VAS 01 theo hướng đưa giá trị hợp lý là cơ sở tính giá trong kế toán song hành với cơ sở giá gốc

Một trong những bất cập lớn nhất của chuẩn mực chung số 01 (VAS 01) hiện nay là trong nội dung chỉ quy định duy nhất hạch toán theo giá gốc. Điều này đã khiến cho thông tin kế toán cung cấp không phản ánh hết tình hình biến động của tài sản, nợ phải trả tại thời điểm lập BCTC. Đây cũng là một trong những lý do làm giảm tính hữu ích của thông tin kế toán trên BCTC. Vì vậy, Trước hết VAS 01 cần phải quy định việc sử dụng kết hợp “Giá trị hợp lý” cùng với nguyên tắc giá gốc. Bởi trong thời đại khoa học kỹ thuật phát triển, môi trường kinh doanh luôn thay đổi và vấn đề lạm phát là tất yếu, thông tin về giá trị tài sản

trên BCTC nếu chỉ trình bày theo giá gốc sẽ không thích hợp với các đối tượng sử dụng thông tin. Trong bối cảnh đó, nhiều hệ thống định giá khác nhau đã hình thành và có tác động nhất định tới thực tiễn kế toán.

Trên cơ sở Luật kế toán và VAS 01, Bộ Tài chính cần đánh giá, sửa đổi, bổ sung, cập nhật nội dung các CMKT hiện hành có liên quan đến giá trị hợp lý theo hướng vận dụng có chọn lọc IFRS 13, ban hành các văn bản hướng dẫn áp dụng giá trị hợp lý, giải thích các cấp độ, phương pháp xác định giá trị hợp lý, quy định sự cân đối giữa các đặc tính chất lượng và các tiêu chuẩn đánh giá khi có hạn chế thông tin giữa tính thích hợp và tính đáng tin cậy cũng như nội dung và phạm vi các thông tin cần công bố trong BCTC. Những hướng dẫn và giải thích này sẽ là cơ sở quan trọng để từng bước tạo lập hành lang pháp lý cho việc áp dụng giá trị hợp lý trong kế toán, trước khi có một chuẩn mực chính thức về đo lường giá trị hợp lý trong kế toán Việt Nam.

Thứ ba, bổ sung và hoàn thiện nội dung một số chuẩn mực kế toán liên quan đến giá trị hợp lý

Trong quá trình rà soát và điều chỉnh các chuẩn mực kế toán đã ban hành, cần bổ sung các quy định về giá trị hợp lý theo hướng tiếp cận phù hợp hơn với CMKTQT của các VAS 02, 03, 04, 05, 06, 10, 11, 14... Các quy định bổ sung cần hướng đến việc tạo lập sự thống nhất, theo đó, cần quy định trong chuẩn mực các yêu cầu trình bày thông tin về giá trị hợp lý. Trước mắt, giá trị hợp lý nhất thiết phải được sử dụng sau ghi nhận ban đầu đối với: bất động sản đầu tư, công cụ tài chính, hợp nhất kinh doanh; các khoản đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết, đầu tư vào công ty con, bởi lẽ, nếu phản ánh theo giá gốc sẽ không phản ánh được những thay đổi của thị trường, không phản ánh được lãi - lỗ chưa thực hiện vào đúng kỳ mà nó phát sinh.

Bên cạnh đó, trong những năm tiếp theo, Bộ tài chính cần nghiên cứu ban hành các CMKT còn thiếu như: chuẩn mực Đo lường giá trị hợp lý, Thanh toán bằng cổ phiếu, Công cụ tài chính, Tồn thất tài sản... Nội dung của các chuẩn mực được xây dựng theo hướng cập nhật CMKTQT, đặc biệt là phù hợp với điều kiện áp dụng giá trị hợp lý trong định giá và IFRS 13. Bởi lẽ, hệ thống VAS không chỉ phù hợp với CMKTQT mà còn là các văn bản pháp lý của kế toán áp dụng giá trị hợp lý làm cơ sở định giá chủ yếu, phù hợp với điều kiện cụ thể của nền kinh tế thị trường Việt Nam.

Thứ tư, cần xây dựng danh mục tài sản, nợ phải trả được đánh giá theo giá trị hợp lý

Cùng với việc, sửa đổi, bổ sung, cập nhật và hoàn thiện nội dung các chuẩn mực kế toán, Bộ tài chính cần nghiên cứu xây dựng và ban hành danh mục các loại tài sản, nợ phải trả được đánh giá và ghi nhận theo giá trị hợp lý như:

Các công cụ tài chính theo yêu cầu của chuẩn mực kế toán phải ghi nhận và đánh giá lại theo giá trị hợp lý,

Các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ được đánh giá theo tỷ giá giao dịch thực tế,

Các Tài sản hoặc nợ phải trả khác có giá trị biến động thường xuyên, theo yêu cầu của chuẩn mực kế toán phải được đánh giá lại theo giá trị hợp lý,

Việc đánh giá lại tài sản, nợ phải trả theo giá trị hợp lý phải đảm bảo có căn cứ xác thực. Trường hợp không có cơ sở để xác định giá trị hợp lý một cách đáng tin cậy thì tài sản và nợ phải trả được ghi nhận theo giá gốc.

Tóm lại, giá trị hợp lý đang dần khẳng định những ưu thế của mình trong định giá các yếu tố của kế toán, sử dụng giá trị hợp lý được IASB đã và đang chuẩn bị những cơ sở quan trọng cho việc áp dụng rộng rãi tới nhiều quốc gia trên thế giới. Quá trình hội nhập quốc tế về kinh tế và kế toán tạo ra sức ép mạnh mẽ về việc nghiên cứu và sử dụng giá trị hợp lý trong hệ thống kế toán Việt Nam. Tuy nhiên, việc tiến tới sử dụng giá trị hợp lý như là một cơ sở định giá chủ yếu trong kế toán cần phải có lộ trình hợp lý với sự vào cuộc tích cực từ phía cơ quan quản lý nhà nước (Bộ Tài chính), tổ chức nghề nghiệp kế toán, kiểm toán (Hội Kế toán, Kiểm toán) đến các đơn vị kế toán cùng với những giải pháp thích hợp được thực hiện đồng bộ, hiệu quả. Tin tưởng rằng trong thời gian tới, giá trị hợp lý sẽ trở thành cơ sở định giá chủ yếu trong hệ thống kế toán Việt Nam, đáp ứng yêu cầu hội nhập quốc tế ngày càng sâu, rộng về kinh tế và kế toán, kiểm toán. □

Tài liệu tham khảo

1. Luật Kế toán năm 2003, Luật số 03/2003/QH11 của Quốc Hội khóa 11 ban hành ngày 17 tháng 06 năm 2003,
2. Luật Kế toán 2015, Luật số 88/2015/QH13 của Quốc Hội khóa 13 ban hành ngày 20 tháng 11 năm 2015,
3. Bộ Tài chính, Hệ thống chuẩn mực kế toán Việt Nam,
4. IAS 16: Chuẩn mực kế toán quốc tế số 16 - Tài sản, nhà cửa và thiết bị,
5. IFRS13: Chuẩn mực báo cáo tài chính quốc tế số 13 - Đo lường giá trị hợp lý.